

Số: 02/2021/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, CVNCTH. *1/2*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ  
đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
(Kèm theo Quyết định số: 02/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này hướng dẫn, quy định thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương gồm đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh; sử dụng, khai thác đất trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; công tác thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; quy định trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ban, ngành đoàn thể có liên quan.

Đối với những nội dung không được đề cập trong Quy định này, thực hiện theo các quy định tại: Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP); Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT); Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (sau đây viết tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT), Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

## **Chương II**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Mục I: QUY ĐỊNH SỬ DỤNG, KHAI THÁC ĐẤT TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG**

##### **Điều 3. Sử dụng, khai thác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương**

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương tuân theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và các quy định tại: Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, Thông tư 13/2020/TT-BGTVT và các nội dung của quy định này.

2. Trước khi mở rộng địa giới khu vực nội thành, nội thị có đường bộ đi qua, phải xây dựng đường gom và các điểm đầu nối theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT đối với đoạn đường bộ sẽ nằm trong nội thành, nội thị.

3. Các đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện thông qua đường nhánh; các đường đã có từ trước phải được từng bước xóa bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt. Khi chưa có điều kiện xây dựng được đường gom theo quy định, các đường từ nhà ở đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện phải đảm bảo an toàn giao thông, vị trí đầu nối phải đảm bảo tầm nhìn của người và phương tiện tham gia giao thông.

4. Việc quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được.

6. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, bãi đỗ xe và các dịch vụ kinh doanh khác.

7. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi có tuyến tránh ngập và các dự án khác có tuyến tránh:

a) Kinh phí xây dựng tuyến tránh do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm.

b) Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đối với đường bộ địa phương phải được Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra, xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

**Điều 4. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường bộ địa phương đang khai thác**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường bộ địa phương đối với các trường hợp:

a) Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường bộ địa phương có tổng chiều dài lớn hơn 01 km (1.000 mét), trừ công trình điện lực có cấp điện áp từ 35kV trở xuống;

b) Công trình điện lực có cấp điện áp lớn hơn 35kV (trừ đường dây tải điện giao cắt phía trên đường bộ địa phương có cột nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn của đường bộ địa phương); đường ống cấp, thoát nước có đường kính lớn hơn 200 mm; công trình thủy lợi, thủy điện, băng tải; đường ống năng lượng, hóa chất; công trình xây dựng cầu, cống cắt ngang qua đường bộ địa phương;

c) Xây dựng công trình thiết yếu liên quan đến phạm vi quản lý của từ hai cơ quan quản lý đường bộ địa phương trở lên;

d) Xây dựng công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu có tổng chiều dài phần kết cấu nhịp lớn hơn 100 m; xây dựng công trình thiết yếu trong hầm đường bộ.

đ) Đối với các công trình thiết yếu thuộc thẩm quyền chấp thuận xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi chủ đầu tư công trình thiết yếu trình Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận, chủ đầu tư công trình thiết yếu trình Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tuyến đường bộ địa phương được giao quản lý như sau:

a) Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường bộ địa phương được giao quản lý, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu đối với các trường hợp: sửa chữa công trình thiết yếu; công trình điện lực có cấp điện áp từ 35kV trở xuống xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường bộ địa phương; công trình đường dây tải điện, thông tin, viễn thông giao cắt phía trên đường bộ có cột nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng bảo đảm quy định về phạm vi bảo vệ trên không, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, gia hạn văn bản chấp thuận; trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các điểm 4, 5, 6, 7 khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

**Điều 5. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường bộ địa phương đang khai thác**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công:

a) Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công đối với đường tỉnh và một số tuyến đường huyện trọng yếu được giao quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang cấp phép thi công với đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng trên địa bàn được giao quản lý.

2. Chủ đầu tư công trình thiết yếu phải cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình theo đúng tiến độ yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo.

3. Cơ quan cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu, trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các điểm 2, 3, 4 khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

**Điều 6. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường bộ địa phương đang khai thác**

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường bộ địa phương đang khai thác được phân cấp như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp phép thi công đối với đường tỉnh và một số tuyến đường huyện trọng yếu được giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang chấp thuận, cấp phép thi công đối với đường huyện, đường xã, đường đô thị trên địa bàn huyện, thành phố được giao quản lý.

5. Chủ đầu tư công trình biển quảng cáo tạm thời phải cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình theo đúng tiến độ yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo.

6. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng, thủ tục cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

### **Điều 7. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường bộ địa phương được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo**

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang và các Sở, ban, ngành có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết;

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo về cấp quyết định đầu tư để xem xét, quyết định;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật (phục vụ lắp dựng công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật) hoặc có thể xây dựng công trình thiết yếu không sử dụng hợp kỹ thuật; việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường bộ địa phương phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ địa phương;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ, tránh tình trạng công trình đường bộ đã xây dựng xong lại phải đào, khoan, cắt đường để thi công xây dựng công trình thiết yếu.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này để được cấp Giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu tự đầu tư xây dựng hợp kỹ thuật hoặc chi trả kinh phí xây dựng hợp kỹ thuật hoặc xây dựng công trình thiết yếu không sử dụng hợp kỹ thuật thì phải thỏa thuận với chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ địa phương và báo cáo cấp quyết định đầu tư xem xét chấp thuận.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

**Điều 8. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường bộ địa phương đang khai thác**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là cấp quyết định đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến Sở Giao thông vận tải để kiểm tra, xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên đường bộ địa phương đang khai thác phải đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ (Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang) cấp giấy phép thi công.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công, trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do Ủy ban nhân dân tỉnh là cấp quyết định đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang ) hồ sơ có liên quan gồm: quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

5. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

## **Mục II: ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN VÀ ĐƯỜNG ĐÔ THỊ**

### **Điều 9. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm:
  - a) Đường huyện, đường đô thị, đường xã;
  - b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ;
  - c) Đường chuyên dùng: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp;
  - d) Đường gom, đường nối từ đường gom.
2. Đường nhánh đầu nối vào đường huyện, đường đô thị bao gồm:
  - a) Đường huyện, đường đô thị, đường xã;
  - b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ;
  - c) Đường chuyên dùng: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp;
  - d) Đường gom, đường nối từ đường gom.
3. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối trong quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc quy hoạch tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
4. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang rà soát nhu cầu các điểm đầu nối, lập danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị gửi đến Sở Giao thông vận tải tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
6. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị phải đảm bảo an toàn giao thông, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.
7. Đầu nối đường nhánh vào dự án đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nắn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh:

a) Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có dự án đi qua, chủ đầu tư đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị xác định các nút giao giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị được xây dựng, xác định vị trí ra, vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô, gửi phương án thiết kế tuyến đến Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang, các sở, ban, ngành có liên quan xin ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang lập danh mục các điểm đầu nối (kể cả cửa hàng xăng dầu) theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy định này để được thỏa thuận trước khi phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật tuyến đường.

8. Các đường từ nhà ở đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện phải đảm bảo an toàn giao thông, phải đảm bảo tầm nhìn cho người và phương tiện tham gia giao thông trên đường tỉnh, đường huyện; tầm nhìn theo quy định tại mục "11.3.4 Tầm nhìn trong nút" của tiêu chuẩn thiết kế đường TCVN4054:2005, tương ứng với cấp kỹ thuật của đường tỉnh hoặc đường huyện mà đường vào nhà dân đầu nối vào; không được phép tháo dỡ các hạng mục công trình giao thông để làm đường vào nhà ở.

9. Khi quy hoạch, xây dựng mới các khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn, chỉ được phép đầu nối vào đường tỉnh và đường huyện thông qua đường nhánh, đường gom.

#### **Điều 10. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện.**

1. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quy định này nằm trong khu vực nội thành, nội thị được xác định theo quy hoạch giao thông đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quy định này nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị:

a) Đối với các tuyến đường tỉnh, đường huyện không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề, cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc theo đường tỉnh, đường huyện, cụ thể: Đối với đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 5.000 mét, đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.500 mét, đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét;

b) Đối với các tuyến đường tỉnh, đường huyện có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc theo đường tỉnh, đường huyện, cụ thể như sau: Đối với đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000 mét, đối với đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét.

3. Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác khó khăn trong việc di dời; các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề vào đường tỉnh, đường huyện không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này thì khoảng cách giữa hai điểm đầu nối phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật sau:

a) Đảm bảo các yếu tố hình học tại vị trí đầu nối, tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành;

b) Đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông, tổ chức giao thông phù hợp với điều kiện thực tế tại vị trí đầu nối.

### **Điều 11. Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**

Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối phải được tích hợp trong quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc quy hoạch tỉnh.

1. Quy hoạch các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí và hình thức giao cắt giữa đường tỉnh, đường huyện với các đường nhánh để xây dựng các nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang có trách nhiệm tổ chức xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị trên địa bàn được giao quản lý, gửi về Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối phải được tích hợp trong quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc quy hoạch tỉnh. Việc lập quy hoạch các điểm đầu nối có thể thực hiện cho tất cả các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị hoặc lập riêng cho từng tuyến đường. Trường hợp cần thiết Sở Giao thông vận tải có ý kiến bằng văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang bổ sung, điều chỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### 3. Thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang gửi văn bản đề nghị thỏa thuận kèm theo 02 bộ hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối (cả dữ liệu điện tử của hồ sơ quy hoạch) về Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải nghiên cứu hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang để cập nhật vào quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc quy hoạch tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hoặc tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối.

### **Điều 12. Trình tự thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị cần đầu nối; thu thập thông tin về quy hoạch các khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

#### 2. Khảo sát, thống kê

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quy định này; xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô;

b) Các đoạn tuyến đường tỉnh, đường huyện trong đô thị, ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài đường tỉnh, đường huyện.

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 mét chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ đã đầu nối tự phát vào đường tỉnh, đường huyện trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có hiệu lực mà không có nhu cầu cải tạo, mở rộng điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện phải từng bước thực hiện xóa bỏ theo quy định hiện hành.

3. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, cơ quan đơn vị có liên quan về các nội dung: sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu có liên quan đến việc khai thác sử dụng các điểm đầu nối.

4. Quy hoạch các điểm đầu nối của mỗi tuyến đường tỉnh, đường huyện được lập thành 01 bộ hồ sơ riêng để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý.

### **Điều 13. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**

Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị gồm:

### 1. Thuyết minh quy hoạch các điểm đầu nối:

a) Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị được quy hoạch các điểm đầu nối;

b) Hiện trạng của tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị: cấp đường, điểm đầu, điểm cuối; các vị trí đặc biệt (khu vực nội thành, nội thị, cầu lớn, hầm đường bộ,...); tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; các thông tin về quy hoạch của tuyến đường;

c) Bản giải trình lý do các điểm đầu nối trong quy hoạch nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định; lộ trình xóa bỏ các đường nhánh có quy mô nhỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Quy định này;

đ) Quy hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang và các Sở, ban, ngành có liên quan đối với nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối.

### 2. Bảng quy hoạch các điểm đầu nối:

a) Bảng tổng hợp một số nội dung cơ bản về hiện trạng và quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị;

b) Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp quy hoạch các điểm đầu nối.

## **Điều 14. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch**

### 1. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch

a) Căn cứ ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan về các nội dung: sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu có liên quan đến việc khai thác sử dụng các điểm đầu nối, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối phải được tích hợp trong quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc quy hoạch tỉnh.

b) Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong quy hoạch, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao gửi đến cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ để được giải quyết.

2. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối theo quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt, giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang rà soát, từng bước xóa bỏ các điểm đầu nối không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.

3. Trong quá trình thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang nhận thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp thì gửi hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối điều chỉnh về Sở Giao thông vận tải để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Điều 15. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**

1. Trước khi nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nút giao, chủ công trình, dự án phải được Ủy ban nhân dân tỉnh giao sử dụng điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt; căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao, lưu giữ hồ sơ của nút giao đầu nối đối với đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao, lưu giữ hồ sơ của nút giao đầu nối đối với đường đô thị trên địa bàn tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang lưu giữ hồ sơ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối với các tuyến đường được giao quản lý sau khi đã được Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng chấp thuận.

3. Hồ sơ đề nghị bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối; trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Các dự án đường bộ xây dựng mới có thiết kế đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối.

5. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

**Điều 16. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối:

a) Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công đối với đường tỉnh và một số tuyến đường huyện trọng yếu được giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang cấp phép thi công đối với với các tuyến đường huyện, đường đô thị được giao quản lý.

2. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Hồ sơ đề nghị Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 27 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

5. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

**Điều 17. Đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị đang khai thác**

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu. Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

3. Cơ quan có thẩm quyền cho phép mở điểm đầu nối tạm thời:

a) Sở Giao thông vận tải cho phép mở điểm đầu nối tạm thời đối với đường tỉnh và một số tuyến đường huyện trọng yếu được giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang cho phép mở điểm đầu nối tạm thời đối với các tuyến đường huyện, đường đô thị được giao quản lý.

4. Hồ sơ đề nghị đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị đang khai thác; trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 28 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Việc chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công điểm đầu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Quy định này.

6. Nút giao đầu nối tạm thời phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

7. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao đầu nối, không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ, quản lý theo quy định.

8. Chủ sử dụng nút giao tạm thời chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải đảm bảo an toàn giao thông, chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa nút giao tạm thời phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

### **Mục III: THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **Điều 18. Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông**

1. Đối với đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Bắt buộc phải thẩm định an toàn giao thông các giai đoạn thiết kế kỹ thuật (đối với dự án thiết kế 3 bước) hoặc giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công (đối với các dự án thiết kế 2 bước và 1 bước) và giai đoạn trước khi đưa công trình vào khai thác.

b) Ngoài các giai đoạn thẩm định bắt buộc nêu trên, người có thẩm quyền quyết định đầu tư có thể quyết định tiến hành thẩm định an toàn giao thông tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình lập dự án, thiết kế, thi công nếu xét thấy cần thiết theo đề nghị của chủ đầu tư dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường bộ.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác phải thực hiện thẩm định an toàn giao thông khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Công trình đường bộ đã được nâng cấp, cải tạo nếu xảy ra số vụ tai nạn giao thông tăng đột biến so với trước khi nâng cấp, cải tạo;

b) Lưu lượng xe thực tế tăng trên 30% so với lưu lượng xe thiết kế của kỳ tính toán;

c) Tình trạng đô thị hóa tăng trên 20% so với thời điểm đưa công trình vào khai thác.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông, quyết định phê duyệt danh mục tuyến đoạn tuyến phải thẩm định an toàn giao thông nếu đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này do đơn vị quản lý tuyến đường đề nghị.

**Điều 19. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông**

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và tổ chức thẩm định an toàn giao thông đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, dự án đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện, đường chuyên dùng theo hình thức PPP. Chủ đầu tư, nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.

Sở Xây dựng thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường tỉnh, đường huyện, đường chuyên dùng theo hình thức PPP trên cơ sở Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

b) Các dự án không sử dụng vốn nhà nước hoặc các dự án đường chuyên dùng không thuộc quy định của điểm a khoản 1 Điều này phải tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông. Chủ đầu tư, nhà đầu tư quyết định và tổ chức thẩm tra an toàn giao thông theo quy định; Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông phải được Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng thực hiện thẩm định an toàn giao thông, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận báo cáo thẩm tra an toàn giao thông

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện, đường chuyên dùng (bao gồm cả đường được đầu tư theo hình thức PPP trên địa bàn).

b) Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý đường bộ, nhà đầu tư, cá nhân có đường chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.

c) Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm định an toàn giao thông trên cơ sở Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

**Điều 20. Các căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông**

1. Đối với đường xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định thẩm định an toàn giao thông và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông và các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông;

b) Hồ sơ dự án: báo cáo đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước, 2 bước) và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án;

c) Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng cho dự án;

d) Đề cương thẩm tra an toàn giao thông được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 45/2011/TT-BGTVT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ xây dựng mới, công trình nâng cấp, cải tạo;

đ) Đối với trường hợp thẩm định an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác phải có ý kiến bằng văn bản về tổ chức giao thông và sự ảnh hưởng của dự án đến an toàn giao thông của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang, nhà đầu tư dự án đường chuyên dùng theo hình thức PPP).

## 2. Đối với đường đang khai thác

a) Quyết định phê duyệt tuyến hoặc đoạn tuyến phải thẩm định an toàn giao thông của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý đường của cơ quan trực tiếp quản lý tuyến hoặc đoạn tuyến, hồ sơ các vụ tai nạn giao thông;

c) Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn có liên quan đã sử dụng cho dự án;

d) Đề cương thẩm tra an toàn giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT/BGTVT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác.

## **Điều 21. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo**

1. Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông thực hiện các nội dung cơ bản sau đây:

a) Thu thập hồ sơ, tài liệu cần thiết; cập nhật thông tin về tình hình tai nạn đã xảy ra nếu thực hiện thẩm tra an toàn giao thông dự án nâng cấp, cải tạo;

b) Nghiên cứu tài liệu đã thu thập được để phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông, sơ bộ giải pháp xử lý cho từng vấn đề; dự kiến danh mục các

vấn đề tiềm ẩn mất an toàn, các vấn đề cần chú trọng xem xét khi đi kiểm tra hiện trường;

c) Kiểm tra hiện trường để xác định, đối chiếu, phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn (có xét đến sự ảnh hưởng thời tiết, điều kiện dân cư, tập quán). Khi thẩm tra an toàn giao thông giai đoạn trước khi đưa đường vào khai thác, phải kiểm tra hiện trường cả ban ngày và ban đêm;

d) Tham vấn ý kiến của người dân khu vực đoạn tuyến (nếu có) về vấn đề tai nạn, nhu cầu tham gia giao thông, và các vấn đề khác có liên quan;

đ) Lập Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông nêu rõ các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông và đề xuất biện pháp khắc phục theo nội dung quy định tại Điều 27 Quy định này và trình chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư xem xét Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của đơn vị thẩm tra an toàn giao thông, lập tờ trình trình Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

3. Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

4. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp thu kết quả thẩm định an toàn giao thông để phê duyệt bổ sung vào dự án.

## **Điều 22. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác**

1. Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông thực hiện các nội dung cơ bản sau đây:

a) Thu thập hồ sơ, tài liệu cần thiết; thu thập các thông tin về tình hình tai nạn giao thông, tình hình mất an toàn giao thông đã xảy ra trên tuyến, đoạn tuyến thẩm tra;

b) Nghiên cứu tài liệu đã thu thập được để phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông, sơ bộ giải pháp xử lý cho từng vấn đề; dự kiến danh mục các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn, các vấn đề cần chú trọng xem xét khi đi kiểm tra hiện trường; dự kiến các bất cập về an toàn giao thông tại các khu vực nút giao;

c) Kiểm tra hiện trường để xác định, đối chiếu, phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn (có xét đến sự ảnh hưởng thời tiết, điều kiện dân cư, tập quán). Kiểm tra hiện trường phải thực hiện cả ban ngày lẫn ban đêm và khi thời tiết bất lợi (mưa, sương mù); việc kiểm tra phải có sự tham gia của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ tiếp nhận quản lý tuyến đường;

d) Làm việc với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, Ban An toàn giao thông địa phương và cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến để trao đổi về các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông; đề xuất kiến nghị nâng cao an toàn đối với tuyến, đoạn tuyến đang thẩm tra;

đ) Lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông nêu rõ các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông và đề xuất biện pháp khắc phục theo nội dung quy định tại Điều 27 Quy định này và trình cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, nhà đầu tư.

2. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, nhà đầu tư xem xét Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, lập tờ trình trình Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

3. Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

4. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ có trách nhiệm tiếp thu kết quả thẩm định an toàn giao thông và thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 23. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình**

1. Xem xét những giải pháp tổng thể về quy mô kỹ thuật của dự án

a) Sự phù hợp về phương án tuyến đi qua các điểm khống chế, vị trí giao cắt, khoảng cách giữa các nút giao (giao khác mức, giao cùng mức, giao trực thông, giao liên thông);

b) Sự hợp lý về phương án thiết kế các công trình trên tuyến, hệ thống thoát nước, các điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn; ảnh hưởng của cảnh quan môi trường, của các công trình dịch vụ, đường vào khu dân cư và các khu vực khác, lối đi cho xe cứu hỏa, cứu thương; khả năng mở rộng tuyến trong tương lai.

2. Đặc trưng hình học của bình đồ, trắc dọc, mặt cắt ngang điển hình và thay đổi mặt cắt, tổ chức giao thông, tiêu chuẩn thiết kế.

3. Tầm nhìn, đoạn quá độ, khả năng nhận biết, phản ứng của lái xe.

4. Tầm nhìn khi vào và tầm nhìn tại nút giao, bố trí tổng thể, mặt cắt ngang.

5. Đánh giá ảnh hưởng của các công trình ven đường, các công trình dành cho người đi bộ, phương tiện thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

6. Công tác an toàn trong thi công được thể hiện qua giải pháp tổng thể bảo đảm trong quá trình thi công không xảy ra tai nạn lao động và tai nạn giao thông (đường tránh, cầu tạm, bố trí mặt bằng thi công, biển báo hiệu, đèn chiếu sáng, điều khiển giao thông...).

7. Các khía cạnh an toàn giao thông khác chưa được đề cập.

**Điều 24. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước và 2 bước) và trong quá trình xây dựng**

1. Xem xét những thay đổi so với giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có) hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình về: hệ thống thoát nước, điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn; ảnh hưởng cảnh quan môi trường của các công trình dịch vụ, đường qua khu dân cư và các khu vực khác, lối đi cho xe cứu hỏa, cứu thương; khả năng mở rộng công trình trong tương lai; hệ số an toàn giao thông, biểu đồ tốc độ xe chạy theo lý thuyết.

2. Các vấn đề cụ thể về đặc trưng hình học của bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình và sự thay đổi mặt cắt, bố trí chung, xử lý lề đường, hè đường; tập trung thẩm tra, thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn giao thông khi một số chỉ tiêu kỹ thuật thiết kế đường có châm chước về Rmin, Rlòi, Rlõm, thiết kế tầm nhìn, trắc dọc; các vị trí ta luy âm, dương có chiều cao đắp hoặc đào lớn.

3. Các chi tiết định tuyến: đoạn quá độ, khả năng nhận biết, xử lý của lái xe, chi tiết thiết kế hình học, xử lý tại các vị trí cầu, cống.

4. Các nút giao cắt và các điểm đầu nối

a) Tầm nhìn khi phương tiện tham gia giao thông đi vào nút và tầm nhìn tại nút giao, bố trí tổng thể của nút giao (nút giao liên thông và nút giao trực thông), các đường vào nút giao, khả năng quan sát của lái xe, chi tiết thiết kế hình học của nút giao, đảo giao thông, chiếu sáng;

b) Vị trí các điểm đầu nối, phân tích sự hợp lý hoặc bất hợp lý về các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn giao thông như: khoảng cách giữa các nút giao, vị trí đầu nối, quy mô kết cấu, các yếu tố kỹ thuật về bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, độ dốc dọc và khoảng cách vượt nối.

5. Đánh giá ảnh hưởng của các công trình ven đường, các công trình bảo đảm an toàn giao thông cho người đi bộ, phương tiện thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

a) Đánh giá sự ảnh hưởng của các công trình đang vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ, thống kê đầy đủ các công trình nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trước khi thi công và sau khi thi công (nghiên cứu phương án giải phóng mặt bằng);

b) Thẩm định sự ảnh hưởng của các dòng xe khi chạy trộn dòng, sự sút giảm của tốc độ thực tế so với thiết kế và sự mất an toàn giao thông khi cho chạy trộn dòng hỗn hợp.

6. Biển báo hiệu, sơn kẻ đường, đèn chiếu sáng và điều khiển giao thông: phát hiện sự bất hợp lý của hệ thống an toàn giao thông, đưa ra đề xuất cụ thể (điều chỉnh hoặc bổ sung) để hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác.

7. Các công trình khác: các công trình đặt gần sát với đường xe chạy có tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông như dải phân cách, rào chống va, tường hộ lan, gờ lượn sóng, các giải pháp an toàn mà tư vấn thiết kế đề xuất.

8. Chi tiết thiết kế cầu, hầm, cống: thẩm định sự hợp lý về vị trí bố trí công trình, độ dốc dọc đường hai đầu cầu, hầm, các đường nối ra, vào cầu và quy mô kết cấu công trình cầu, hầm, cống.

9. Công tác an toàn giao thông trong thi công: bố trí thiết bị thi công, các hoạt động trong quá trình thi công, quản lý và điều hành giao thông, các giải pháp cụ thể về an toàn giao thông (các phương án đường tránh, cầu tạm, dây chuyền thi công) đặc biệt lưu ý đối với các tuyến đường cải tạo, nâng cấp.

10. Các vấn đề về an toàn giao thông khác chưa được đề cập.

11. Báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định phải tổng hợp đánh giá những ảnh hưởng đến an toàn giao thông, từ đó kiến nghị tốc độ tối đa cho phép chạy xe khi hoàn thành dự án.

### **Điều 25. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác**

1. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị gồm: chủ đầu tư, cảnh sát giao thông, tư vấn giám sát, đơn vị thi công và đơn vị trực tiếp quản lý khai thác đường bộ (Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang hoặc nhà đầu tư đường chuyên dùng theo hình thức PPP) xem xét, kiểm tra các nội dung đã nêu trong Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của các giai đoạn trước đó để đối chiếu với kết quả đã thi công tại hiện trường (đối chiếu giữa hồ sơ thiết kế được duyệt với thực địa và tình trạng thực tế trên đường) đặc biệt là các vấn đề về tổ chức giao thông, điều khiển giao thông cho các phương tiện thô sơ, người đi bộ; các làn đường rẽ, bến xe, các chướng ngại vật, tình trạng hư hỏng mặt đường, tình hình lấn chiếm, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

2. Đề xuất giải pháp bổ sung hoặc điều chỉnh nhằm bảo đảm an toàn giao thông tối đa trước khi đưa công trình vào khai thác.

### **Điều 26. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác đường**

Tổ chức được giao thẩm tra an toàn giao thông chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang, nhà đầu tư đường chuyên dùng theo hình thức PPP) xem xét, kiểm tra các nội dung trong đề cương thẩm tra an toàn giao thông được duyệt có sự đối chiếu giữa hồ sơ thiết kế (hồ sơ hoàn công) với thực địa và lưu lượng xe, tình trạng giao thông thực tế trên đường, sự lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ hai bên đường (kể cả hành lang an toàn của công trình cầu, cống) để phát hiện kịp thời những yếu tố, nguy cơ dẫn đến mất an toàn giao thông, chú ý đến tổ chức và điều khiển giao thông cho các phương tiện

thô sơ, người đi bộ, các làn phụ, đường rẽ, bên xe, các chướng ngại vật che khuất tầm nhìn, các biển quảng cáo và tình trạng đầu nổi vào đường ưu tiên, sự xuất hiện bất hợp lý về yếu tố kỹ thuật mới nảy sinh trong quá trình khai thác, các hư hỏng mặt đường và những vị trí hành lang đường bộ bị vi phạm.

### **Điều 27. Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông**

Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông bao gồm các nội dung cơ bản sau:

#### 1. Thông tin chung

- a) Tên của dự án và giai đoạn công tác thẩm định được thực hiện;
- b) Tên của chủ nhiệm thẩm tra và thẩm tra viên;
- c) Danh mục tài liệu đã thu thập.

#### 2. Nội dung chính

- a) Mô tả ngắn gọn các đề xuất;
- b) Các chi tiết khi đi thị sát và đánh giá hiện trường;
- c) Mô tả chi tiết các vấn đề tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông và đề xuất biện pháp khắc phục.

### **Điều 28. Danh mục các nội dung xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ**

Danh mục các nội dung được xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ được quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 29. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án cấm mốc lộ giới xác định hành lang an toàn giao thông đường bộ các tuyến đường được giao quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; công

bộ công khai và tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên thực địa, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

5. Báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo vệ các công trình đường bộ trên địa bàn được giao quản lý.

b) Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

c) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ, đặc biệt là việc giao đất, cấp Giấy phép xây dựng dọc theo đường bộ.

d) Giải toả các công trình vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi địa bàn Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang được giao quản lý.

7. Trực tiếp quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh và một số tuyến đường huyện trọng yếu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

8. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý.

9. Huy động lực lượng, vật tư, máy móc thiết bị để đảm bảo giao thông, thông xe trong thời gian nhanh nhất khi xảy ra các sự cố, sạt lở nền, mặt đường, hư hỏng các công trình trên tuyến do thiên tai, địch họa gây ra. Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường được giao quản lý; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn khi có lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chỉ đạo của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự của tỉnh và đề nghị của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố.

10. Cập nhật số liệu của công trình thiết yếu được xây dựng mới, công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp vào sơ đồ quản lý công trình thiết yếu của tuyến đường bộ được giao quản lý. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, cập nhật thông tin bổ sung vào hồ sơ quản lý công trình của tuyến đường bộ được giao quản lý; gửi văn bản thỏa thuận, giấy phép thi công về Thanh tra Sở Giao thông vận tải để theo dõi, giám sát và xử lý khi có vi phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

11. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải toả vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang**

1. Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý trên địa bàn.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân trên địa bàn quản lý các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, các phòng nghiệp vụ có liên quan và các lực lượng chức năng thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ. Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải.

5. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án cấm mốc lộ giới xác định hành lang an toàn giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cấm mốc lộ giới trên thực địa, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cấm mốc lộ giới.

6. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm. Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

7. Huy động lực lượng, vật tư, máy móc thiết bị để đảm bảo giao thông, thông xe trong thời gian nhanh nhất khi xảy ra các sự cố, sạt lở nền, mặt đường, hư hỏng các công trình trên tuyến do thiên tai, địch họa gây ra đối với các tuyến đường được giao quản lý. Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị quản lý đường bộ (Cục quản lý đường bộ I, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lân cận địa bàn...) thực hiện đảm bảo giao thông các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn và đường huyện, đường xã của huyện, thành phố lân cận địa bàn, khi công việc khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa gây ra có khối lượng lớn, thời gian khắc phục kéo dài.

8. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật;

9. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường bộ được giao quản lý.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Quản lý, bảo trì đường bộ được giao trên địa bàn xã quản lý.

2. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ bao gồm cả việc giữ gìn các cột mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của dự án.

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ.

5. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời sửa chữa, hót dọn và khắc phục các hư hỏng để đảm bảo giao thông khi xảy ra thiên tai, địch họa.

6. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải toả vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang.

### **Điều 32. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan**

1. Công an tỉnh:

- Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, công an các huyện, thành phố thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

- Thông báo kịp thời và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông xử lý bồi thường thiệt hại đối với người điều khiển phương tiện làm hư hỏng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Lập kế hoạch, phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; hỗ trợ lực lượng bảo vệ người và máy móc thiết bị thực việc xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

- Chỉ đạo công an cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án, kế hoạch bảo đảm trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông; xây dựng phương án cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Đối với các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng dọc theo các tuyến đường bộ (theo quy hoạch hoặc đang khai thác), trước khi trình cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư hoặc phê duyệt phải có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang về đầu nối giao thông, hành lang an toàn giao thông đường bộ và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương theo phân cấp và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền, tuân thủ các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong đô thị.

5. Sở Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý việc thực hiện xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và chính quyền địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc xóa bỏ cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ thương mại khác theo thẩm quyền.

6. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ vào mục đích nông nghiệp, đảm bảo an toàn công trình đường bộ.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuân thủ các quy định của pháp luật về hành lang an toàn giao thông đường bộ, quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế các trường hợp vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho hành lang an toàn giao thông đường bộ.

8. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị quản lý đường bộ hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng công trình viễn thông tuân thủ Quy định này.

9. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị quản lý đường bộ và các nhà thầu quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện các quy định của pháp luật về khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu trong công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ với các tuyến đường nằm trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang; Đài Truyền hình, truyền thanh các huyện, thành phố dành thời lượng đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền nội dung Quy định này và Luật Giao thông đường bộ.

### **Điều 33. Trách nhiệm của Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ**

1. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm và sử dụng trái phép công trình giao thông và hành lang an toàn giao thông đường bộ; chịu trách nhiệm chính trong quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Khi phát hiện vi phạm phải thực hiện đúng quy trình xử lý vi phạm theo quy định và phải yêu cầu đình chỉ ngay hành vi vi phạm, thông báo bằng văn bản, điện thoại và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để lập biên bản vi phạm hành chính; yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra và xử lý theo thẩm quyền; đồng thời phải báo ngay về cơ quan quản lý đường bộ (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang) để có biện pháp nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ. Thường xuyên kiểm tra phát hiện các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình, chủ sử dụng phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình, chủ sử dụng không tự giác thực hiện, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ phải báo cáo và phối hợp đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện việc cắm mốc lộ giới xác định hành lang an toàn giao thông đường bộ, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang công bố công khai và tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên thực địa, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

3. Phối hợp với Thanh tra giao thông và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; đồng thời, định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

4. Bàn giao mặt bằng thi công cho các tổ chức, cá nhân được cấp phép thi công trên đường bộ đang khai thác. Trực tiếp giám sát việc thực hiện phạm vi thi công, các quy định đảm bảo an toàn giao thông tại Quy định này và trong giấy phép thi công. Phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý đường bộ việc các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định trong khi thi công hoặc quá trình thi công gây ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ.

5. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ trước ngày cuối của tháng.

6. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý:

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn bao gồm: Tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

### **Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, bảo vệ công trình đường bộ theo quy định của pháp luật hiện hành; phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, hạt quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất về các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Tất cả các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chấp hành yêu cầu của đơn vị quản lý đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Các hội, đoàn thể trên địa bàn tỉnh tuyên truyền và phối hợp các cơ quan hữu quan tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tới các hội viên và mọi công dân trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 35. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.